ÁP DỤNG TRÍ TUỆ NHÂN TẠO VÀO GIẢNG DẠY ĐỂ NÂNG CAO ĐỘNG LỰC HỌC TIẾNG ANH CHO HỌC VIÊN KHÔNG CHUYÊN

ĐỖ THỊ THÙY DUNG
TRẦN THỊ THANH THÚY
Học viện Chính trị Công an nhân dân

Nhận bài ngày 22/4/2025. Sửa chữa xong 04/5/2025. Duyệt đăng 09/5/2025.

Abstract

This article investigates the motivation of non-English majors in learning English and explores the potential of applying artificial intelligence (AI) to improve learning effectiveness and engagement. In contexts where learners often adopt passive study habits and lack practical orientation, AI emerges as a supportive tool for innovative teaching. Applications such as instant feedback systems, pronunciation assistants, and conversational chatbots contribute to content personalization and greater interactivity. The article proposes concrete solutions and highlights the essential role of teachers in integrating AI into instruction to foster sustained learning motivation.

Keywords: *English learning motivation, artificial intelligence, non-English majors.*

1. Đặt vấn đề

Tiếng Anh giữ vai trò ngày càng quan trọng trong bối cảnh toàn cầu hóa, trở thành công cụ thiết yếu giúp người học tiếp cận tri thức, nâng cao năng lực nghề nghiệp và hội nhập quốc tế. Tuy nhiên, đối với học viên (HV) không chuyên - những người không theo học ngành ngôn ngữ thì việc học Tiếng Anh thường bị chi phối bởi các yếu tố ngoại sinh như yêu cầu tốt nghiệp, chuẩn đầu ra hoặc áp lực điểm số. Chính điều này khiến động lực học tập trở nên thiếu bền vững, mang tính đối phó và không gắn liền với mục tiêu học tập dài hạn [1], [2].

Theo Dörnyei [3] động lực là yếu tố quyết định sự chủ động, kiên trì và hiệu quả trong học ngoại ngữ. Tuy nhiên, môi trường học tập hiện nay của HV không chuyên còn hạn chế về tính cá nhân hóa, thiếu phản hồi kịp thời và ít có hoạt động tương tác - những yếu tố quan trọng giúp duy trì hứng thú học tập. Trước thực trạng đó, trí tuệ nhân tạo (AI) đang mở ra cơ hội mới trong lĩnh vực giáo dục, đặc biệt trong dạy và học Tiếng Anh. Các nghiên cứu gần đây cho thấy AI có thể hỗ trợ thiết kế lộ trình học cá nhân hóa, cung cấp phản hồi tức thì và tạo trải nghiệm học tập linh hoạt, từ đó tăng cường sự gắn bó và động lực nội tại của người học [4], [5]. Tuy nhiên, việc tích hợp hiệu quả các công cụ AI vào giảng dạy Tiếng Anh cho nhóm HV không chuyên tại Việt Nam vẫn là vấn đề cần được nghiên cứu, đánh giá và triển khai bài bản. Bài viết tập trung làm rõ thực trạng động lực học Tiếng Anh của HV không chuyên, phân tích khả năng ứng dụng AI vào hoạt động dạy học và đề xuất các giải pháp tích hợp công nghệ nhằm nâng cao hiệu quả học tập, khơi gợi niềm hứng thú và xây dựng động lực học tập bền vững cho người học.

2. Tổng quan lý thuyết về động lực học tập

Động lực (motivation) là yếu tố tâm lý đóng vai trò trung tâm trong quá trình học tập nói chung và học ngoại ngữ nói riêng. Dù là một khái niệm phổ biến nhưng việc định nghĩa động lực không hề đơn giản. Theo Harmer cho rằng, "Động lực là một dạng động lực nội tại khiến con người hành động để đạt

Email: dothuydung2804@gmail.com

được điều gì đó" [2]. Brown bổ sung rằng động lực chính là mức độ mà người học đưa ra các lựa chọn liên quan đến mục tiêu học tập và nỗ lực để đạt được mục tiêu đó [6]. Trong bối cảnh học Tiếng Anh, động lực chính là yếu tố khiến người học đầu tư thời gian, công sức vào việc rèn luyện kỹ năng ngôn ngữ, vượt qua những khó khăn và duy trì thái độ học tập tích cực. Nếu người học không có động lực, họ sẽ dễ bỏ qua bài học, không quan tâm đến kết quả hay mục tiêu của việc học. Theo Santrock [7], động lực học tập được chia thành hai loại chính: *động lực nội sinh và động lực ngoại sinh*.

2.1. Động lực nội sinh (Intrinsic Motivation)

Động lực nội sinh xuất phát từ bên trong cá nhân, khi người học cảm thấy thích thú, có đam mê hoặc nhận thấy giá trị nội tại của việc học, nghĩa là người học thấy việc học Tiếng Anh là xứng đáng, thú vị hoặc có giá trị về mặt văn hóa, xã hội. Những HV có động lực nội sinh thường chủ động tham gia vào lớp học, phát biểu, đặt câu hỏi và không ngại mắc lỗi, vì họ học để phát triển bản thân chứ không chỉ vì điểm số. Brown [6] chia động lực nội sinh thành hai dạng: Động lực tích hợp (integrative) và động lực công cụ (instrumental): - *Động lực tích hợp* (Integrative Motivation): Đây là kiểu động lực khi người học muốn hòa nhập với cộng đồng sử dụng ngôn ngữ thứ hai, ví dụ như học để du học, kết hôn, nhập cư hay đơn giản là yêu thích văn hóa của ngôn ngữ đó; - *Động lực công cụ* (Instrumental Motivation): Đây là động lực học để đạt mục tiêu cụ thể như có việc làm tốt hơn, thi đậu, đọc tài liệu chuyên ngành. Người học tin rằng thành thạo tiếng Anh sẽ giúp họ nâng cao địa vị xã hội, cơ hội nghề nghiệp và học tập.

2.2. Động lực ngoại sinh (Extrinsic Motivation)

Ngược lại, động lực ngoại sinh đến từ các yếu tố bên ngoài như điểm số, phần thưởng, áp lực từ gia đình hoặc xã hội. Penny [8] định nghĩa rằng: "Động lực ngoại sinh là loại động lực xuất phát từ ảnh hưởng của phần thưởng bên ngoài, khác với động cơ muốn học vì bản thân nhiệm vụ đó". Harmer, J. (2007) Harmer [2] cũng chỉ ra rằng các yếu tố như áp lực thi cử, kỳ vọng tài chính hay phần thưởng đều là những tác nhân quan trọng. Ngoài ra, động lực ngoại sinh có thể đến từ cha mẹ, GV và môi trường học tập.

3. Tổng quan về trí tuệ nhân tạo (AI) và động lực học Tiếng Anh

Trong thế kỷ 21, thế giới đang chứng kiến sự chuyển đổi mạnh mẽ trong giáo dục, trong đó công nghệ đóng vai trò trung tâm trong việc định hình cách học của HV và cách dạy của GV. Theo Hapsari và Wu [9] trong số vô vàn tiến bộ công nghệ, AI nổi bật như một yếu tố có khả năng làm thay đổi toàn diện diện mạo giáo dục hiện đại.

Một trong những lĩnh vực đang thu hút sự quan tâm đặc biệt từ các nhà nghiên cứu là việc ứng dụng AI vào dạy học Tiếng Anh như một ngoại ngữ (EFL), đặc biệt là ở khía cạnh nâng cao động lực học tập của người học. Theo Pelenkahu, N. khi tiếng Anh ngày càng trở thành ngôn ngữ toàn cầu, vai trò của nó trong giao tiếp quốc tế, kinh doanh và học thuật ngày càng được khẳng định [5]. Do đó, việc học Tiếng Anh trở thành nhu cầu thiết yếu, đặc biệt là với HV không chuyên - nhóm thường thiếu động lực nội sinh để học ngôn ngữ này một cách lâu dài và hiệu quả. Trong bối cảnh đó, công nghệ AI đã nổi lên như một giải pháp tiềm năng giúp cải thiện sự hứng thú và cam kết học tập.

Theo Ebadi & Amini [11], Wang [12], AI đang tác động ngày càng rõ nét đến cách học Tiếng Anh, không chỉ ở nội dung mà còn ở phương thức tiếp cận và sự tương tác trong quá trình học. AI có khả năng cung cấp phản hồi tức thời, cá nhân hóa nội dung học theo nhu cầu từng người học và tạo ra môi trường học tập tích cực, từ đó góp phần khơi dậy động lực học tập sâu sắc hơn.

Một số ứng dụng tiêu biểu bao gồm: - *Chatbot học Tiếng Anh:* Giúp người học luyện phản xạ giao tiếp ở mọi lúc, mọi nơi; - Phần mềm luyện phát âm bằng AI (như ELSA Speak): cho phản hồi tức thời, giúp người học tiến bộ nhanh và có cảm giác thành công; **-** *Hệ thống học tập thích ứng (adaptive learning platforms):* như Duolingo, Quizlet AI… cung cấp bài học phù hợp với tốc độ và năng lực cá nhân; - *Phân tích học tập (learning analytics)*: hỗ trợ GV theo dõi tiến độ học tập, phát hiện HV thiếu động lực để có can thiệp kịp thời.

Như vậy, AI không chỉ là một công cụ hỗ trợ dạy học mà còn là yếu tố thúc đẩy động lực học tập thông qua sự linh hoạt, phản hồi tức thời và cá nhân hóa trải nghiệm học. Bên cạnh đó, việc tích hợp AI một cách hiệu quả cần sự phối hợp chặt chẽ giữa GV - người thiết kế hoạt động học - công nghệ - công cụ hỗ trợ HV phát triển toàn diện kỹ năng ngôn ngữ và niềm đam mê học tập.

4. Thực trạng động lực học Tiếng Anh của học viên không chuyên

Trong bối cảnh giáo dục hiện đại, tiếng Anh được xem là một trong những kỹ năng nền tảng quan trọng nhất đối với người học, đặc biệt là khi Việt Nam đang hội nhập sâu rộng vào nền kinh tế toàn cầu. Tuy nhiên, tại nhiều trường đại học và phổ thông, nhóm HV không chuyên tiếng Anh - tức những HV không theo học các ngành đào tạo ngôn ngữ hoặc không có định hướng nghề nghiệp liên quan đến ngoại ngữ vẫn gặp rất nhiều khó khăn trong việc duy trì động lực học tập. Khác với HV chuyên ngữ, HV không chuyên thường học Tiếng Anh như một môn bắt buộc, mang tính chất thủ tục để hoàn thành tín chỉ hoặc vượt qua kỳ thi tốt nghiệp. Vì vậy, động lực học của nhóm đối tượng này thường là động lực ngoại sinh, dễ dao động, thiếu tính tự chủ và bền vững. Một trong những nguyên nhân chính dẫn đến tình trạng này là do HV không chuyên chưa nhận thức được giá trị thực tiễn của tiếng Anh trong đời sống và công việc. Trong khi các ngành kỹ thuật, nông nghiệp, giáo dục mầm non... vẫn còn khoảng cách đáng kể giữa yêu cầu sử dụng tiếng Anh và thực tế giảng dạy thì HV thường học để đối phó với bài kiểm tra thay vì học để ứng dụng lâu dài. Điều này dẫn đến thái độ học tập thụ động, thiếu chủ động khám phá kiến thức mới, thậm chí xem môn Tiếng Anh là "gánh nặng" học tập. Bên cạnh đó, môi trường học tập và phương pháp giảng dạy cũng là yếu tố ảnh hưởng lớn đến động lực. Ở nhiều lớp học, GV vẫn chủ yếu sử dụng phương pháp truyền thống, thiên về ngữ pháp - dịch, giảng bài một chiều, ít có hoạt động tương tác hoặc ứng dụng công nghệ hiện đại. HV ít có cơ hội thực hành nói, viết, làm việc nhóm hoặc áp dụng tiếng Anh vào tình huống thực tiễn. Việc đánh giá kết quả học tập chủ yếu dựa trên các bài kiểm tra lý thuyết càng khiến HV mất phương hướng trong việc rèn luyện kỹ năng giao tiếp - mục tiêu thiết yếu khi học ngoại ngữ.

Một số nghiên cứu tại Việt Nam và quốc tế cũng chỉ ra HV không chuyên dễ bị ảnh hưởng bởi tâm lý sợ sai, sợ nói tiếng Anh trước đám đông, đặc biệt trong bối cảnh thiếu môi trường học tập thân thiện, không khuyến khích sai sót như một phần tự nhiên của quá trình học. Họ thiếu người hướng dẫn có khả năng truyền cảm hứng và cũng thiếu công cụ giúp theo dõi sự tiến bộ cá nhân - điều vốn là động lực quan trọng giúp người học kiên trì. Theo khảo sát của Jeon (2021), hơn 60% HV không chuyên tại các trường đại học cho biết họ cảm thấy không có sự kết nối rõ ràng giữa bài học Tiếng Anh và ngành học chuyên môn, điều này dẫn đến sự chán nản và giảm sút nghiêm trọng động lực học tập. Thực trạng còn cho thấy khoảng cách rõ rệt về khả năng học tập Tiếng Anh giữa các HV ở khu vực thành thị và nông thôn, giữa các nhóm có điều kiện tiếp cận công nghệ và không có. HV không chuyên thường ít có cơ hội tiếp xúc với tài liệu gốc, thiếu các nền tảng luyện tập trực tuyến và hầu như không được hỗ trợ bởi các công cụ học tập có yếu tố cá nhân hóa. Việc thiếu cơ sở vật chất, thiết bị học tập cũng như kỹ năng số khiến nhiều HV cảm thấy xa lạ, khó tiếp cận với cách học hiện đại, từ đó dẫn đến sự tụt hậu và giảm sút sự hứng thú đối với môn học Tiếng Anh.

Ngoài ra, đại dịch Covid-19 trong giai đoạn 2020-2022 càng làm trầm trọng thêm thực trạng này khi hình thức học trực tuyến chưa được chuẩn bị kỹ càng. Trong quá trình chuyển đổi sang môi trường học online, nhiều HV không chuyên bị mất kết nối với thầy cô, thiếu phản hồi kịp thời và gặp khó khăn trong tự học. Sự thiếu động lực nội sinh trở nên nghiêm trọng hơn khi người học không còn cảm nhận được sự tiến bộ, không được khuyến khích đúng lúc và không có mục tiêu rõ ràng để phấn đấu. Như vậy, thực trạng động lực học Tiếng Anh của HV không chuyên hiện nay đặt ra một thách thức lớn cho giáo dục Việt Nam. Để nâng cao chất lượng dạy và học Tiếng Anh cần có những giải pháp tổng thể, trong đó việc ứng dụng công nghệ, đặc biệt là AI được xem là một hướng đi triển vọng. AI có thể cung cấp các công cụ cá nhân hóa việc học, phản hồi tức thì, giúp HV theo dõi tiến độ, từ đó cải thiện động lực học tập một cách toàn diện và bền vững.

5. Giải pháp ứng dụng AI để nâng cao động lực học Tiếng Anh cho học viên hệ không chuyên

Từ những bất cập đã phân tích trong phần thực trạng có thể thấy việc tích hợp công nghệ AI vào giảng dạy Tiếng Anh không chỉ là xu hướng tất yếu mà còn là một chiến lược quan trọng nhằm cải thiện động lực học tập cho HV không chuyên. AI mang lại tiềm năng to lớn trong việc cá nhân hóa nội dung học, cung cấp phản hồi tức thì, tạo môi trường học tập tương tác và hỗ trợ GV thiết kế các hoạt động giảng dạy hiệu quả. Dưới đây là các nhóm giải pháp ứng dụng AI được đề xuất để nâng cao động lực học Tiếng Anh cho HV không chuyên, kèm theo các công cụ minh họa và chiến lược triển khai thực tiễn.

5.1. Cần xây dựng và triển khai "các hệ thống học tập thích ứng (adaptive learning systems)" dựa trên AI. Những hệ thống này có khả năng phân tích dữ liệu đầu vào từ người học như điểm số, thời gian hoàn thành bài tập, loại lỗi sai phổ biến… để tạo ra lộ trình học phù hợp với từng cá nhân. Điển hình như nền tảng "Squirrel AI" tại Trung Quốc hay "Knewton" tại Mỹ đã ứng dụng thành công mô hình học thích ứng để hỗ trợ HV cải thiện kết quả học tập đáng kể. Tại Việt Nam, các nền tảng như "Vbee.ai", "Azota" hay "Onluyen.vn" đang bắt đầu tích hợp khả năng gợi ý bài học phù hợp với năng lực người học dựa trên hành vi học trực tuyến. Việc học cá nhân hóa giúp HV không chuyên cảm thấy bớt áp lực và thấy rõ tiến bộ của bản thân, từ đó nuôi dưỡng động lực nội sinh hiệu quả hơn.

5.2. "Hệ thống phản hồi và đánh giá tự động" là một điểm mạnh khác của AI cần được tận dụng. AI có thể giúp HV nhận được phản hồi chi tiết và tức thời, điều mà trong lớp học truyền thống GV khó đảm bảo cho từng cá nhân. Các công cụ như "Write & Improve" của Cambridge hoặc "Grammarly AI" không chỉ phát hiện lỗi ngữ pháp mà còn gợi ý cách diễn đạt tốt hơn, giúp HV học từ sai lầm của mình và hoàn thiện kỹ năng viết. "Quillbot AI" cũng là một công cụ hữu ích cho HV trong việc diễn đạt lại câu văn, mở rộng vốn từ và cải thiện phong cách hành văn. Khi HV được phản hồi liên tục và cá nhân hóa, họ có xu hướng duy trì động lực học tập vì cảm thấy được "lắng nghe" và hỗ trợ thường xuyên.

5.3. AI giúp HV rèn luyện kỹ năng "nghe - nói - phát âm" thông qua các công cụ như "ELSA Speak", "Google Assistant", "AI English Coach", "YouGlish". Những ứng dụng này sử dụng công nghệ nhận diện giọng nói và học máy để phân tích phát âm, nhấn âm, ngữ điệu và đưa ra phản hồi cụ thể. Việc luyện phát âm ở mọi lúc, mọi nơi, không cần có mặt GV, tạo điều kiện cho HV rèn luyện thường xuyên, vượt qua sự e ngại và sợ sai trong giao tiếp vốn là rào cản lớn với người học không chuyên. Bên cạnh đó, các ứng dụng còn tích hợp trò chơi và hệ thống thưởng điểm, giúp tăng sự hứng thú và khả năng duy trì thói quen học hàng ngày.

5.4. Khuyến khích áp dụng "mô hình học tập trò chơi hóa (gamification)" kết hợp AI để kích thích hứng thú và tạo môi trường học tập tích cực. Các nền tảng như "Duolingo", "Quizizz AI", "Kahoot AI" và "Wordwall" đã chứng minh tính hiệu quả trong việc duy trì sự gắn bó của người học. Thông qua việc tích lũy điểm, nhận huy hiệu, xếp hạng trên bảng điểm, HV được khuyến khích học tập liên tục, tự đặt mục tiêu và thi đua cùng bạn bè. Đây là một yếu tố quan trọng giúp HV không chuyên cảm thấy việc học không nhàm chán mà là một hành trình thử thách thú vị.

5.5. Cần khai thác các nền tảng "thực tế ảo (VR) tích hợp AI" như "Mondly VR", "Immerse" hoặc các phòng lab mô phỏng ngữ cảnh học giao tiếp bằng tiếng Anh. Việc nhập vai trong môi trường giao tiếp giả lập như nhà hàng, sân bay, lớp học quốc tế... giúp HV luyện kỹ năng sử dụng ngôn ngữ trong ngữ cảnh thực tế, đồng thời vượt qua rào cản tâm lý trong giao tiếp. Việc học thông qua trải nghiệm cũng giúp tăng cường khả năng ghi nhớ và kết nối ngôn ngữ với hành động cụ thể - điều mà sách giáo khoa truyền thống không thể mang lại.

5.6. AI có thể đóng vai trò như "trợ lý học tập cá nhân 24/7", đặc biệt là với các công cụ như "ChatGPT", "Bing Copilot", "Perplexity AI". HV có thể đặt câu hỏi ngữ pháp, nhờ gợi ý sửa bài viết, luyện nói thông qua hội thoại mô phỏng, tạo bài tập luyện từ vựng, viết email hoặc giải thích lại nội dung bài học. Sự hỗ trợ liên tục này giúp HV duy trì quá trình học ngay cả khi không có mặt GV, từ đó nâng cao tính tự học và cảm giác kiểm soát việc học của bản thân - yếu tố rất quan trọng trong duy trì động lực lâu dài.

Cuối cùng nhưng không kém phần quan trọng để các giải pháp trên mang lại hiệu quả thực chất

cần "đào tạo GV sử dụng AI như một phần của chiến lược sư phạm tích hợp". GV đóng vai trò trung tâm trong việc lựa chọn, điều chỉnh, tích hợp công cụ AI vào tiến trình dạy học sao cho phù hợp với trình độ và nhu cầu của HV. Ngoài ra, GV cần có kỹ năng phân tích dữ liệu học tập từ hệ thống AI để phát hiện sớm HV có biểu hiện giảm động lực hoặc khó khăn trong tiếp thu kiến thức, từ đó đưa ra các chiến lược can thiệp kịp thời.

Như vậy, việc ứng dụng AI không nên chỉ dừng lại ở mức độ công nghệ mà cần được xem như một giải pháp giáo dục toàn diện. Khi được tích hợp đúng cách với chương trình giảng dạy, được điều phối bởi GV có năng lực sư phạm và công nghệ, AI sẽ trở thành động lực hỗ trợ mạnh mẽ giúp HV không chuyên vượt qua rào cản, khơi dậy đam mê và phát triển năng lực tiếng Anh bền vững trong thời đại mới.

6. Kết luận

Trong bối cảnh giáo dục đổi mới và hội nhập quốc tế, tiếng Anh ngày càng đóng vai trò quan trọng trong sự phát triển cá nhân và nghề nghiệp. Tuy nhiên, HV không chuyên vẫn gặp nhiều khó khăn trong việc duy trì động lực học, thể hiện qua thái độ học thụ động, thiếu định hướng và không gắn kết với nhu cầu thực tiễn. Nguyên nhân đến từ môi trường học chưa phù hợp, phương pháp truyền thống, thiếu phản hồi cá nhân hóa và áp lực điểm số. Vì vậy, AI đang mở ra cơ hội mới trong việc cải thiện động lực học Tiếng Anh. Thông qua phân tích dữ liệu, phản hồi tức thời và cá nhân hóa nội dung học, AI giúp HV cảm thấy được hỗ trợ và khuyến khích tự học. Các công cụ như hệ thống học thích ứng, luyện phát âm, trợ lý học tập ảo hay nền tảng trò chơi hóa đã góp phần làm mới trải nghiệm học tập, khơi dậy sự hứng thú và chủ động từ phía người học. AI không thay thế con người mà đóng vai trò hỗ trợ đắc lực trong hành trình học Tiếng Anh. Khi được khai thác đúng cách, AI góp phần nuôi dưỡng động lực học tập bền vững, giúp HV không chuyên vượt qua rào cản và phát triển toàn diện năng lực ngôn ngữ trong thời đại số.

Tài liệu tham khảo

[1] Sumakul, M. A., Hamied, F. A., & Sukyadi, D. (2022), *Motivational challenges of EFL non-English major students in Indonesian universities (Những thách thức về động lực học tập của sinh viên không chuyên ngành Tiếng Anh trong các trường đại học tại Indonesia học Tiếng Anh như một ngoại ngữ)*, Indonesian Journal of Applied Linguistics (Tạp chí Ngôn ngữ học Ứng dụng Indonesia), 12(1), 101-113.

[2] Harmer, J. (2007), The practice of English language teaching (4th ed.) (*Thực hành giảng dạy Tiếng Anh - tái bản lần thứ 4*), Pearson Longman (NXB Pearson Longman).

[3] Dörnyei, Z. (2001), *Teaching and researching motivation (Giảng dạy và nghiên cứu về động lực học tập)*, Longman (NXB Longman).

[4] Jeon, M. (2021), *Enhancing EFL learners' engagement through AI-integrated tools* (*Tăng cường sự tham gia của người học EFL thông qua công cụ tích hợp AI*), Journal of Educational Technology Development and Exchange (Tạp chí Phát triển và Trao đổi Công nghệ Giáo dục), 14(2), 45-62.

[5] Liando, N. V. F., Tatipang, D. P., & Pelenkahu, N. (2023), *Students' perceptions on the use of AI-powered applications in English language learning (Nhận thức của sinh viên về việc ứng dụng các công cụ sử dụng trí tuệ nhân tạo trong học tập Tiếng Anh*), Journal of Language and Education Innovation (Tạp chí Đổi mới Ngôn ngữ và Giáo dục), 11(1), 15-29.

[6] Brown, H. D. (2007), *Principles of language learning and teaching (5th ed.) (Các nguyên lý học và dạy ngôn ngữ - tái bản lần thứ 5)*, Pearson Education (NXB Pearson).

[7] Santrock, J. W. (2004), *Educational psychology (2nd ed.) (Tâm lý học giáo dục - tái bản lần thứ 2*), McGraw-Hill (NXB McGraw-Hill).

[8] Penny Ur, (1996), *A course in language teaching (Giáo trình giảng dạy ngôn ngữ*), Cambridge University Press (NXB Đại học Cambridge).

[9] Hapsari, I. P., & Wu, T. T. (2022, August), *AI Chatbots learning model in English speaking skill: Alleviating speaking anxiety, boosting enjoyment, and fostering critical thinking. In International Conference on Innovative Technologies and Learning (pp. 444-453) (Mô hình học tập với Chatbot AI trong kỹ năng nói tiếng Anh: Giảm lo âu khi nói, tăng hứng thú và thúc đẩy tư duy phản biện. Trong Hội thảo quốc tế về Công nghệ và Học tập Đổi mới*), Cham: Springer International Publishing (NXB Quốc tế Springer).

[10] Tatipang, D. P., Liando, N. V. F., & Wullur, R. (2022), *Gamification-based learning and motivation in EFL context: A case study (Học tập và động lực dựa trên trò chơi hóa trong bối cảnh EFL*). Journal of Language Teaching and Research (Tạp chí Giảng dạy và Nghiên cứu Ngôn ngữ), 13(5), 991-998.

[11] Ebadi, S., & Amini, M. (2022), *The effect of AI-based feedback on EFL learners' writing performance (Ảnh hưởng của phản hồi từ trí tuệ nhân tạo đến kỹ năng viết của người học Tiếng Anh như một ngoại ngữ*), Language Learning & Technology (Tạp chí Học Ngôn ngữ và Công nghệ), 26(1), 23-38.

[12] Wang, H. (2022), *AI-assisted language learning: Benefits and challenges (Học ngôn ngữ có hỗ trợ bởi trí tuệ nhân tạo: Lợi ích và thách thức*). International Journal of Educational Technology in Higher Education (Tạp chí Quốc tế về Công nghệ Giáo dục trong Giáo dục Đại học), 19(3), 55-70.